TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST Ngày 12-11-2024 V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Phẩm và bà Đặng Thị Phương.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Vũ Thị H; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/10/2024, bản khai ngày 15/10/2024, ý kiến tại phiên họp ngày 18/10/2024, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện kết hôn với chị Vũ Thị T năm 2005, trước khi kết hôn cả hai có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau được khoảng 02 năm, được hai gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương, có đăng ký kết tại UBND xã I, huyện A, tỉnh Gia Lai ngày 07/01/2005. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chưa có mâu thuẫn gì. Đến năm 2020 vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Vũ Thị T tự ý đi khỏi nhà, đi đâu làm gì anh không nắm được, anh đã liên lạc với chị Vũ Thị T nhưng không được. Khoảng 20 ngày sau chị Vũ Thị Thúy T1 về nhà và vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau. Đến tháng 6/2024 chị Vũ Thị T đã lấy xe máy chở con gái út và cháu nội ra thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 11 giờ con gái anh đã liên lạc về nhà và bảo anh ra thị trấn L đón con về, khi đến nơi, con anh có nói chuyện anh mới biết chị Vũ Thị T đã bỏ đi, anh có gọi điện thoại nhưng chị Vũ Thị T không nghe máy. Vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân cũng là do quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có việc cãi chửi nhau hoặc đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình bên ngoại có biết, bà ngoại có nói với anh nếu không chung sống được với nhau thì giải quyết ly hôn dứt điểm. Trước khi viết đơn ly hôn anh đã liên lạc với chị Vũ Thị T nhưng không được. Anh có liên lạc với dì Vũ Thị H (là em ruột của chị Vũ Thị T) nói chuyện vợ chồng. Dì Vũ Thị H cũng nói chuyện với anh nếu anh chị không ở được với nhau thì giải quyết dứt điểm ly hôn. Từ khi chị Vũ Thị T đi đến nay cả hai không còn quan tâm, thăm hỏi gì đến nhau, đến nay vợ chồng đã sống ly thân được gần 04 tháng, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T. Hiện nay chị Vũ Thị T có hộ khẩu tại thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, không cắt tạm trú, tạm vắng đi đâu. Chị Vũ Thị T hiện đi đâu làm gì và ở đâu anh không biết. Anh cũng đã liên lạc với dì Vũ Thị H thông báo về việc anh đã làm đơn ly hôn ra Toà án để dì Vũ Thị H thông báo lại với chị Vũ Thị T biết còn dì Vũ Thị H thông báo hay chưa anh không nắm được.

Về con chung: Vợ chồng anh sinh được 03 con chung là Nguyễn Trường V, sinh năm 2005 (đã trưởng thành, cháu không bị mất năng lực hành vi dân sự, cháu hiện tại đã lấy vợ và đã có con), anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với 02 con là Nguyễn Thị Tâm Đ, sinh ngày 13/11/2006 và Nguyễn Thị Tâm S, sinh ngày 28/5/2011. Khi ly hôn anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Tâm Đ và Nguyễn Thị Tâm S cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Vũ Thị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh có nhà cửa, đất đai do bố mẹ anh để lại, anh đã ở riêng và đang làm ruộng, thu nhập của anh đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh đã được Thẩm phán thông báo cho anh biết về lời khai của người làm chứng Vũ Thị H (là em dì của vợ anh Vũ Thị T). Lời khai của dì Vũ Thị H trình bày là đúng. Do Vũ Thị T không về để giải quyết vụ án trực tiếp được, anh đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải mà tục giải quyết vụ án cho dứt điểm. Các văn bản tố tụng do dì Vũ Thị H nhận thay và giao cho chị Vũ Thị T anh không có ý kiến gì. Do bận công việc, anh Nguyễn Văn L đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, phía bị đơn chị Vũ Thị T đều vắng mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Người làm chứng: Chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên toà, lời khai trong hồ

sơ thể hiện: Chị là em ruột của chị Vũ Thị T. Bản thân chị không có mâu thuẫn gì với vợ chồng anh Nguyễn Văn L, chị Vũ Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Chị nắm được Nguyễn Văn L, chị Vũ Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống chị thấy vợ chồng có thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng 02 năm nay vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau, không hiểu nhau. Chị Vũ Thị T đã đi khỏi nhà từ tháng 6/2024 đi đâu làm gì thời gian đầu chị cũng không nắm được vì chị ấy không nói. Sau đó chị đã liên lạc được với chị Vũ Thị T được thì chị Vũ Thị T nói là đi làm trong Miền tây không về được. Chị cũng đã báo cho chị Vũ Thị T biết thông tin anh Nguyễn Văn L đã làm đơn ly hôn, chị Vũ Thị T có nói lại với chị là nhất trí ly hôn nhưng do chị bận công việc không thể về được để giải quyết, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết vắng mặt chị. Đến nay chị thấy vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được, đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 3 con chung, con trai lớn đã trưởng thành và đã lấy vợ. Còn 02 con sau chưa đủ 18 tuổi, khi ly hôn anh Nguyễn Văn L yêu cầu giải quyết được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Vũ Thị T phải cấp dưỡng chị đã liên lạc với chị Vũ Thị T và chị cũng nhất trí yêu cầu của anh Nguyễn Văn L. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Vũ Thị T hiện đang cư trú tại Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, chưa cắt tạm trú, tạm vắng đi đâu. Do chị Vũ Thị T không về để giải quyết vụ án được, chị đã liên lạc với chị Vũ Thị T và chị Vũ Thị T nhất trí để Toà án giao nhận văn bản tố tụng cho chị nhận, chị cam kết sẽ giao lại cho chị Vũ Thị T đầy đủ. Hiện nay chị cũng bận công việc, không có thời gian đến Toà án tham gia tố tụng tiếp theo, chị từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Toà án xem xét giải quyết vắng mặt chị, chị vẫn giữ nguyên lời khai đã trình bày nêu trên.

Tại bản khai của các cháu Nguyễn Thị Tâm Đ và Nguyễn Thị Tâm S trình bày: Trường hợp bố mẹ ly hôn các cháu đều mong muốn được sống cùng bố là Nguyễn Văn L.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên họp vắng mặt chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Văn L đã có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị

Vũ Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng chị Vũ Thị H đã có lời khai, có ý kiến từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Toà án xem xét giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn L và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện A, tỉnh Gia Lai ngày 07/01/2005. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau và đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, cả hai đã không còn yêu thương, quan tâm nhau nữa khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Anh Nguyễn Văn L xin ly hôn với chị Vũ Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của Anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Vũ Thị T. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung: Con trai đầu đã trưởng thành, không đề nghị xem xét giải quyết. 02 con chung là Nguyễn Thị Tâm Đ, sinh ngày 13/11/2006 và Nguyễn Thị Tâm S, sinh ngày 28/5/2011. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân, 02 con vẫn đang sống cùng với bố tại thôn Bản Chu A, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ý kiến của 02 con cũng đều mong muốn được sống cùng với bố. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con 02 chung là cháu Nguyễn Thị Tâm Đ và Nguyễn Thị Tâm S cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Vũ Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng chị Vũ Thị H đã có lời khai, đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn chị Vũ Thị T hiện đang cư trú tại: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện A, tỉnh Gia Lai ngày 07/01/2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá

trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2020 do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, từ khi sống ly thân cả hai không còn liên lạc, không yêu thương, quan tâm nhau nữa khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh, chị sinh được 03 người con là Nguyễn Trường V, sinh năm 2005 (đã trưởng thành), anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các con là Nguyễn Thị Tâm Đ, sinh ngày 13/11/2006 và Nguyễn Thị Tâm S, sinh ngày 28/5/2011. Xét thấy, 02 con hiện đang sống cùng bố, anh Nguyễn Văn L đi làm có thu nhập, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là có căn cứ và phù hợp với lời khai của 02 con, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, tiếp tục giao 02 con là Nguyễn Thị Tâm Đ và Nguyễn Thị Tâm S cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn L không yêu cầu chị Vũ Thị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Vũ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vũ Thị T thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn L trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Vũ Thị T. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01-05, đăng ký ngày* 07/01/2005 *tại* Ủy ban nhân dân xã I, huyện A, tỉnh Gia Lai*).*

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Tâm Đ, sinh ngày 13/11/2006 và Nguyễn Thị Tâm S, sinh ngày 28/5/2011 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu chị Vũ Thị T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Vũ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vũ Thị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Xác nhận anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ số tiền án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002706, ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã I, huyện A, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thúy Huyền